

Đồng Nai, ngày 30 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 314/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Chị **Thái Thị Minh P**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh **Tiền Hữu Đ**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Minh P và anh Tiền Hữu Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh Đ và chị P có 02 con chung là các cháu Tiền Thái T, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2012 và Tiền Thái

Phương Q, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2014. Khi ly hôn, thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng).

[3] Về tài sản chung: Anh Đ và chị P xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh Đ và chị P xác định không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Đ và chị P nộp theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Minh P và anh Tiền Hữu Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đ và chị P xác định có 02 con chung là các cháu Tiền Thái T, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2012 và Tiền Thái Phương Q, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2014. Khi ly hôn, giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về cấp dưỡng thì kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu

cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Đ và chị P xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đ và chị P xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Thái Thị Minh P và anh Tiền Hữu Đ nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001344 ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Nơi ĐKKH (UBND P.E, TP. F, tỉnh Sóc Trăng – nay là UBND P. G, TP. H, CNKH số 37/2010);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Vũ Bảo